

Bản án số: 646/2024/DS-PT

Ngày 24 - 12 - 2024

V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Ông Nguyễn Chí Dũng
tòa:

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng
Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 595/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh ngày 01/01/1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G: Anh Hồ Thanh H, sinh ngày 09/12/1983; Địa chỉ: Số F, đường C, khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị Trương Thị Ngọc L, sinh ngày 14/02/1990.

2.2. Anh Trương Văn L1, sinh ngày 15/12/1985.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trương Thị Ngọc L, anh Trương Văn L1: Ông Trương Văn T, sinh ngày 01/01/1972; Địa chỉ: Khóm S, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và ông Huỳnh Ngọc E, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người kháng cáo: Chị Trương Thị Ngọc L, anh Trương Văn L1, là bị đơn trong vụ án.*

(Ông E có mặt; Anh H có đơn xin vắng mặt và ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị G do anh Hồ Thanh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trong năm 2022 - 2023 âl, bà G làm chủ hội, vợ chồng chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1 là hội viên, chị L và anh L1 tham gia 23 dây hội, các dây hội đều đã kết thúc.

Ngày 04/7/2023 âl, bà G và chị L chốt lại số tiền hội thì chị L còn nợ 818.820.000 đồng, chị L làm Tờ cam kết mỗi ngày trả 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Do thời điểm này bà G bị bệnh không trực tiếp gom tiền hội được nên nhờ chị ruột là bà Nguyễn Thị Thu H1 gom giùm, đến ngày 06/10/2023 chị L trả được cho bà G 62.000.000 đồng và tiền cũ gửi trả 12.880.000 đồng, tổng cộng 74.880.000 đồng trừ vào số tiền chị L còn nợ 818.820.000 đồng, còn lại 743.940.000 đồng và sau đó chị L gửi trả thêm 940.000 đồng. Như vậy, còn lại 743.000.000 đồng, từ ngày 07/10/2023 - 14/02/2024, chị L trả thêm 127.000.000 đồng, còn nợ lại 616.000.000 đồng.

Nay bà G khởi kiện yêu cầu chị L và anh L1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền hội còn nợ 616.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị Trương Thị Ngọc L, anh Trương Văn L1 do ông Trương Văn T và ông Huỳnh Ngọc E là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào những năm 2021, 2022, 2023 chị L và anh L1 có tham gia chơi hội tuần do bà G làm chủ, thời điểm hội còn hoạt động chị L và anh L1 vẫn đóng tiền đầy đủ, đầu năm 2023 bà G tuyên bố dừng hội do bị bệnh, bà G nhờ chị ruột là bà Nguyễn Thị Thu H1 đứng ra tập hợp những hội viên đã tham gia chơi hội, tổng kết mỗi người hội sống còn bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền, hội chết phải đóng lại bao nhiêu tiền và bao nhiêu tiền mỗi lần, việc đóng hội lại từ từ.

Ngày 04/7/2023 chị L và bà H1 làm Tờ cam kết nội dung: Tổng số tiền nợ hội giữa chị L và bà G chốt lại là 743.000.000 đồng, mỗi ngày chị L sẽ trả dần cho bà G 1.000.000 đồng, khi chị L đóng tiền hội mỗi ngày có ghi vào sổ như sau:

Ngày 06/10/2023 - 06/11/2023 là 30 ngày với số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 06/11/2023 - 06/12/2023 là 30 ngày với số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 06/12/2023 - 06/01/2024 là 30 ngày với số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 06/01/2024 - 06/02/2024 là 30 ngày với số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 06/02/2024 - 15/02/2024 là 10 ngày với số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng cộng chị L trả cho bà G được 130.000.000 đồng, còn lại 743.000.000 đồng - 130.000.000 đồng = 613.000.000 đồng do tháng đủ và tháng thiếu nên có sự chênh lệch, chị L thống nhất còn nợ bà G số tiền hụi 616.000.000 đồng. Nguyên nhân không tiếp tục đóng tiền hụi do bên ngoài rêu rao chị L bẻ nợ nên buôn bán ế ẩm, không còn khả năng trả dần được, chị L năn nỉ cho đóng lại mỗi tháng 2.000.000 đồng thì bà G không đồng ý. Chị L cho rằng tham gia chơi hụi nhiều phần, mỗi lần hốt hụi cũng không trùng ngày tháng với nhau, chủ hụi cũng giao tiền nhiều lần không phải một lần. Sau khi dừng hụi chốt sổ lại và có trả còn nợ bà G số tiền 616.000.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự xét xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G.

Buộc chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền hụi còn nợ 616.000.000 đồng (Sáu trăm mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1 phải liên đới chịu 28.640.000 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.320.000 đồng theo Biên lai số 0006165, ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/8/2024 chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự. Chị L và anh L1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G, yêu cầu triệu tập bà Nguyễn Thị Thu H1 là người có liên quan. Bởi vì, trong việc trả nợ này có liên quan giữa hai bên đã tự thỏa thuận và xin trả dần theo Tờ cam kết ngày 04/7/2023, khả năng sẽ cố gắng tranh thủ trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng cho bà G đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Huỳnh Ngọc E là người đại diện theo ủy quyền của chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1 trình bày: Giữ nguyên kháng cáo, sau khi dừng hui thì giữa chị L, anh L1 và bà G chót sổ lại còn nợ 818.820.000 đồng, chị L và anh L1 trả nhiều lần cho bà G nên còn nợ lại 616.000.000 đồng. Ông E thay đổi kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng đến khi hết số tiền hui của bà G và không yêu cầu đưa bà H1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hiện nay hoàn cảnh kinh tế của chị L và anh L1 khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị L và anh L1, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1 nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai chỉ có ông E có mặt; Anh H có đơn xin vắng mặt và ông T vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà G khởi kiện yêu cầu chị L và anh L1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền hui còn nợ 616.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định “Tranh chấp hui” phù hợp khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết phù hợp khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị L và anh L1 yêu cầu giải quyết. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà G, yêu cầu triệu tập bà H1 là người có liên quan. Bởi vì, trong việc trả nợ này có liên quan giữa hai bên đã tự thỏa thuận và xin trả dần theo Tờ cam kết ngày 04/7/2023, khả năng sẽ cố gắng

tranh thủ trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng cho bà G đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông E là người đại diện theo ủy quyền của chị L và anh L1 thay đổi kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng đến khi hết số tiền hụi của bà G và không yêu cầu đưa bà H1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hiện nay hoàn cảnh kinh tế của chị L và anh L1 khó khăn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, chị L thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà G làm chủ, sau khi dừng hụi thì giữa chị L và bà G chốt sổ lại chị L còn nợ số tiền hụi là 818.820.000 đồng, chị L tiếp tục trả cho bà G còn nợ 743.000.000 đồng.

Ngày 04/7/2023 chị L làm Tờ cam kết mỗi ngày trả cho bà G 1.000.000 đồng. Từ ngày 06/10/2023 - 15/02/2024 trả cho bà G được 130.000.000 đồng nên còn nợ 613.000.000 đồng, do tháng đủ và tháng thiếu nên có sự chênh lệch, chị L thống nhất còn nợ bà G số tiền hụi 616.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm ông E là người đại diện theo ủy quyền của chị L và anh L1 thừa nhận còn nợ bà G số tiền hụi 616.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, bà G yêu cầu chị L và anh L1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi còn nợ 616.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm chị L và anh L1 trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm chị L và anh L1 xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng đến khi hết nợ, không được bà G đồng ý. Về điều kiện hình thức, phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án, nên lời trình bày của chị L và anh L1 là chưa có cơ sở.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, buộc chị L và anh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà G số tiền hụi còn nợ 616.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông E là người đại diện theo ủy quyền của chị L và anh L1 không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị L và anh L1 là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị L và anh L1 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự. Tuy nhiên, điều chỉnh cách tuyên án cho phù hợp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của chị L và anh L1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị L và anh L1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G.

Buộc chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền hụi còn nợ 616.000.000 đồng (Sáu trăm mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1 phải liên đới chịu 28.640.000 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.320.000 đồng theo Biên lai số 0006165, ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trương Thị Ngọc L và anh Trương Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006212, ngày 22/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Dũng